

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 01/01/2007 đến 31/12/2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(163.299.494.749)	264.605.819.809
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	117.533.614.842	102.275.649.409
- Các khoản dự phòng	03	223.968.192.748	68.702.969.312
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11.802.730.735	(14.956.733.086)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	86.667.218.439	(211.144.601.063)
- Chi phí lãi vay	06	58.447.522.704	32.281.303.869
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	335.119.784.719	241.764.408.250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	99.641.734.850	(430.935.961.954)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.671.086.773)	(3.768.184.247)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	74.152.120.855	148.072.554.522
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11.315.939.665)	(1.106.350.439)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(55.147.522.704)	(30.071.303.869)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(53.104.412.177)	(38.749.319.670)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	61.245.236.533	322.139.979.692
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(129.851.681.075)	(231.002.013.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	301.068.234.564	(23.656.191.456)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(902.747.541.680)	(750.185.651.481)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	214.818.181	162.223.688.118
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.720.873.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(183.129.506.280)	(729.407.506.546)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	240.879.282.100	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.630.774.459	72.392.079.459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(773.152.173.220)	(1.277.698.263.450)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008	Từ 01/01/2007 đến 31/12/2007
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.455.697.557.150
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	513.519.806.324	604.285.902.471
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(64.531.732.812)	(511.517.980.924)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(5.495.306.575)	(5.982.733.566)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(58.896.439.500)	(41.503.783.400)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số		(11.642.137.527)	(10.572.099.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	372.954.189.910	1.490.406.862.361
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>(99.129.748.747)</i>	<i>189.052.407.455</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	275.754.725.315	103.897.171.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.307.472.276)	(17.194.853.329)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	172.317.504.292	275.754.725.315

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc